

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lư Thị Thúy K**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp V, xã B, huyện N, tỉnh T (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Minh S**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp V, xã B, huyện N, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa chị Lư Thị Thúy K trình bày:

Chị K và anh S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2017. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2017. Sau khi thành hôn vợ chồng sống cùng gia đình chị K ở Ấp V, xã B, huyện N, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, về kinh tế gia đình và do anh Triều có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu về cự cãi với chị K, sống không hòa thuận với gia đình chị K. Chị K đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S không sửa đổi. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị K và anh S có một con chung là Phạm Vỹ D, sinh ngày 02/9/2020, chị K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Về tài sản chung: Chị K trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị K trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Minh S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh Phạm Minh S cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh S về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lư Thị Thúy K, cụ thể: Chị Lư Thị Thúy K được ly hôn với anh Phạm Minh S. Về con chung: Chị K được quyền nuôi người con chung là Phạm Vỹ D, sinh ngày 02/9/2020, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lư Thị Thúy K đối với anh Phạm Minh S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Phạm Minh S có nơi cư trú tại xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Anh Phạm Minh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lư Thị Thúy K và anh Phạm Minh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị K cho rằng hôn nhân giữa chị và anh S không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Theo chị K trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa chị và anh S bất đồng quan điểm sống, về kinh tế gia đình và do anh S có tính gia trưởng, thường xuyên uống rượu về cự cãi với chị K, sống không hòa thuận với gia đình chị K. Chị K đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S không sửa đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì anh S không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh S về hôn nhân giữa chị K và anh S và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh S đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị K và anh S có một con chung là Phạm Võ D, sinh ngày 02/9/2020. Cháu Phạm Võ D hiện chưa được ba mươi sáu tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Anh S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con; chị K cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Phạm Võ D cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao người con là Phạm Võ D cho chị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị K. Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng nuôi con mà chị K yêu cầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị K và anh S là cháu Phạm Vũ D, sinh ngày 02/9/2020 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung; anh S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh Triệu về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị K là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lư Thị Thúy K, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Lư Thị Thúy K được ly hôn với anh Phạm Minh S.
2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Vũ D, sinh ngày 02/9/2020 cho chị Lư Thị Thúy K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh Phạm Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Vũ D, sinh ngày 02/9/2020 với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/02/2022) cho đến khi cháu Phạm Vũ D đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực

tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Lư Thị Thúy K, anh Phạm Minh S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Lư Thị Thúy K, anh Phạm Minh S có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Lư Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001522 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Anh Phạm Minh S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam ^(1b) ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Thành Thới B ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

